TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **35**/2024/QĐST-HNGĐ	*Bù Đăng, ngày 09 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Thị B, sinh năm 1985
- *Bị đơn:* Anh Điểu B, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đoàn Quang T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Chị Thị B và anh Điểu B đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 27/8/2012 của Uỷ ban nhân dân xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Thị B với bị đơn anh Điểu B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Điểu B và chị Thị B thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Điểu Thị Kim P, sinh ngày 03/02/2022 cho chị Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về vấn đề cấp dưỡng: Chị Thị B và anh Điểu B không yêu cầu giải quyết.

***2.4. Về tài sản chung**:* Chị Bình và anh Bim xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2.5. Về nợ chung**:* Buộc anh Điểu B phải có nghĩa vụ trả cho anh Đoàn Quang T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) trong thời hạn 01 tháng, chậm nhất là ngày 01/8/2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.6. Về án phí:

- Án phí HNGĐ - ST là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nguyên đơn chị Thị B nhận nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 0009056 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả cho chị B số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

- Anh Điểu B phải chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền án phí được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo Biên lai thu số 0009092 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Anh Đoàn Quang T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS và Chi cục THA huyện Bù Đăng;
- Tòa án tỉnh Bình Phước;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào